

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam đang trên con đường phát triển và hội nhập mạnh mẽ vào nền kinh tế quốc tế. Nhà nước đang từng bước gỡ bỏ rào cản về thủ tục hành chính, thuế quan và hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế theo hướng tạo ra môi trường pháp lý bình đẳng cho các chủ thể kinh doanh thuộc các thành phần sở hữu khác nhau, nhằm thu hút những nguồn lực trong và ngoài nước để phát triển kinh tế đất nước. Nghị quyết 48-NQ/TW của Bộ chính trị đã xác định rõ “hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền tự do kinh doanh theo nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm”. Mục tiêu nhằm tạo cơ sở pháp lý cho sự phát triển của khu vực kinh tế dân doanh, tạo động lực chủ yếu và bền vững cho tăng trưởng dài hạn của Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu.

Trong hơn ba thập kỷ qua, các nhà làm luật Việt Nam đã du nhập vào pháp luật những loại hình tổ chức kinh doanh phổ biến trên thế giới như công ty hợp danh, CTTNHH (một thành viên và hai thành viên trở lên), công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, để các nhà đầu tư lựa chọn. Có thể nói, sự ra đời của Luật doanh nghiệp năm 2005 thống nhất (và hiện nay là Luật Doanh nghiệp 2014) thay thế luật doanh nghiệp 1999 đã thể hiện chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong việc mở rộng quyền thành lập doanh nghiệp của các nhà đầu tư, tạo sự bình đẳng cho các chủ thể kinh doanh và đồng thời tuân thủ những chuẩn mực được thừa nhận trên thế giới về tư cách pháp nhân, trách nhiệm hữu hạn, các quy tắc quản trị công ty.

Tuy vậy, về mặt lý luận và thực tiễn kinh doanh, việc chỉ quy định giới hạn những hình thức doanh nghiệp được coi là phổ biến, vừa làm hạn chế sự tự do lựa chọn loại hình tổ chức kinh doanh của nhà đầu tư, vừa chưa bao quát hết được các loại hình công ty đã ra đời, phát triển trên thế giới và trong lịch sử pháp luật của Việt Nam. Trong đó, có thể kể đến loại hình công ty hợp vốn cổ phần (CTHVCP). Loại hình công ty này có nguồn gốc ra đời và phát triển ở nhiều quốc gia trên thế giới như Pháp, Đức, Italia, ... và ở Việt Nam đã được quy định BLDS Bắc kỳ (1931), Bộ luật thương mại Trung kỳ 1942, Bộ luật thương mại Sài Gòn (1972) như một loại hình công ty điển hình thời kỳ bấy giờ.

CTHVCP là loại hình công ty kết hợp giữa các đặc tính của CTHVĐG và CTCP. Chính vì thế, loại hình công ty này thừa hưởng được các ưu điểm mà các loại hình công ty khác không có như: Tư cách các thành viên của công ty; Tính linh động trong huy động vốn; Việc xác định thẩm quyền trong quản trị công ty của giữa các thành viên; Về tư cách đại diện theo pháp luật của công ty.... Trong CTHVCP, có thành viên nhận vốn có tư cách thương nhân, chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới đối với các nghĩa vụ tài sản của công ty, còn thành viên xuất vốn chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn góp với những nghĩa vụ tài sản của công ty. Vốn điều lệ của công ty được chia thành các cổ phần bằng nhau, và được quyền phát hành rộng rãi. Lựa chọn loại hình CTHVCP là những người có đầu óc kinh doanh (những người năng động và dám chịu trách nhiệm) và những người chỉ muốn đầu tư vào công ty để sinh lời, cùng với cơ chế huy động vốn linh hoạt của công ty (giống CTCP).

Cho đến nay, các công trình trong và ngoài nước chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện, có hệ thống về các vấn đề pháp lý của CTHVCP. Do đó, để đảm bảo quyền tự do kinh doanh của công dân và đa dạng các loại hình tổ chức kinh doanh, cần thiết phải

nghiên cứu toàn diện ở cả khía cạnh cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến loại hình CTHVCP, góp phần làm cơ sở kiến nghị cho các nhà soạn thảo luật ở Việt Nam thấy được sự hữu ích, cần thiết phải bổ sung vào LDN hiện hành ở Việt Nam.

Vì vậy, tác giả đã lựa chọn đề tài **“Xây dựng chế định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần ở Việt Nam”** để thực hiện luận án tiến sĩ luật học của mình là không có sự trùng lặp với các công trình khoa học đã được công bố.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Mục tiêu nghiên cứu của luận án bao gồm: Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về sự ra đời và phát triển của các loại hình công ty và CTHVCP; Khảo lược được kinh nghiệm pháp luật của một số nước quy định về loại hình CTHVCP; Làm rõ được nhu cầu cần thiết và đánh giá được những tác động dự kiến của việc bổ sung chế định CTHVCP vào nội dung của LDN hiện hành. Phải đề xuất xây dựng được các nội dung cụ thể của chế định CTHVCP để bổ sung vào trong LDN và sửa đổi, bổ sung các nội dung trong LDN hiện hành.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu, luận án phải giải quyết được các nhiệm vụ cụ thể như sau: *Một là*, tiến hành thu thập các tài liệu, các công trình nghiên cứu, nhận xét, đánh giá để xác định các khoảng trống hoặc chưa được làm rõ và sẽ được tiếp tục giải quyết trong luận án. *Hai là*, phân tích các cơ sở lý luận về quyền tự do kinh doanh, về sự hình thành và phát triển các loại hình công ty khác nhau. Phân tích khái niệm, bản chất pháp lý cơ bản của loại hình CTHVCP. *Ba là*, khảo lược kinh nghiệm pháp luật của một số quốc gia và Việt Nam đã và đang điều chỉnh loại hình CTHVCP. *Bốn là*, đánh giá và phân tích sự cần thiết phải xây dựng chế định về CTHVCP ở Việt Nam. *Năm là*, xây dựng và đề xuất những nội dung cụ thể của chế định CTHVCP. Đưa ra những kiến nghị để xây dựng và thực thi có hiệu quả chế định CTHVCP ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Để thực hiện các nội dung của luận án, tác giả nghiên cứu cơ sở lý luận của sự ra đời và phát triển của các loại hình công ty, cụ thể: cơ sở lý luận về quyền tự do kinh doanh, quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp, bản chất pháp lý của công ty và sự hình thành, ra đời các loại hình công ty trong lịch sử, quy định về loại hình CTHVCP trong pháp luật các nước trên thế giới và trong pháp luật Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Trong luận án này, tác giả dự định hạn chế phạm vi nghiên cứu chủ yếu trong các vấn đề sau:

+ *Về đối tượng*: Luận án tập trung nghiên cứu những học thuyết, quan điểm về quyền tự do kinh doanh, các học thuyết về bản chất công ty, những vấn đề lý luận của loại hình CTHVCP. Đồng thời, Luận án cũng đánh giá, phân tích các khía cạnh lý luận và thực tiễn để thấy được sự cần thiết xây dựng và bổ sung chế định pháp luật về CTHVCP ở Việt Nam.

+ *Về không gian*: Luận án tập trung khảo sát pháp luật của một số nước trên thế giới và ở Việt Nam về CTHVCP. Đồng thời, tác giả cũng lập luận, đánh giá và đưa ra những bài học kinh nghiệm về xây dựng pháp luật ở các nước và vấn đề tiếp nhận vào pháp luật Việt Nam.

+ *Về thời gian*: Để có một cái nhìn tổng thể, xuyên suốt, luận án đề cập đến lịch sử ra đời, phát triển của pháp luật điều chỉnh về loại hình CTHVCP trên thế giới và ở Việt Nam. Như vậy, những phân tích của luận án tập trung nhiều vào quy định pháp luật hiện hành của một số nước về CTHVCP và các quy định trong lịch sử pháp luật Việt Nam.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của đề tài

4.1. Cơ sở lý luận

Để giải quyết được nhiệm vụ đặt ra, luận án được thực hiện dựa trên phương pháp của Chủ nghĩa Mác – Lênin; Tư tưởng của Hồ Chí Minh; Quan điểm của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó, tác giả còn vận dụng các cơ sở lý thuyết về tự do kinh doanh, lý thuyết về nền kinh tế thị trường, các lý thuyết về công ty, các học thuyết về bản chất công ty như: học thuyết pháp nhân, học thuyết công ty là một hợp đồng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu sử dụng trong luận án

Để thực hiện Luận án đã sử dụng các phương pháp hệ thống hóa, phân tích, phương pháp luận giải và phương pháp luật học so sánh v.v... là các phương pháp phổ biến để thực hiện những nội dung đã đặt ra, như:

5. Các đóng góp và những điểm mới của luận án

Luận án là công trình khoa học đầu tiên ở cấp độ tiến sĩ luật học nghiên cứu toàn diện, có hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về CTHVCP được hình thành trên thế giới và trong lịch sử pháp luật Việt Nam. Cụ thể, luận án có những điểm mới về khoa học như sau:

Thứ nhất, luận án đã tổng hợp, phân tích, đánh giá nền tảng của sự ra đời và phát triển của các loại hình công ty trên cơ sở quyền tự do kinh doanh, tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp của công dân; Luận án đã nghiên cứu cơ sở lý luận về công ty và CTHVCP.

Thứ hai, Luận án khảo lược kinh nghiệm pháp luật các nước trên thế giới và lịch sử pháp luật Việt Nam điều chỉnh về CTHVCP để đưa ra các gợi ý các xây dựng và đề xuất các nội dung cơ bản của chế định CTHVCP phù hợp ở Việt Nam.

Thứ ba, luận án đánh giá, phân tích sự cần thiết và những tác động, kết quả dự kiến khi bổ sung các quy định về CTHVCP vào trong LDN.

Thứ tư, luận án xây dựng và đề xuất các nội dung cụ thể của chế định pháp luật về CTHVCP. Đồng thời, luận án đưa ra các kiến nghị trong hoạt động xây dựng và thực thi có hiệu quả các quy định về loại hình CTHVCP ở Việt Nam.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

- *Về mặt lý luận*, luận án bổ sung một nguồn tư liệu hữu ích và đáng tin cậy về cơ sở lý luận quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp trong phạm vi quyền tự do kinh doanh của công dân; cơ sở lý luận về sự ra đời, phát triển của CTHVCP trên thế giới và trong lịch sử Việt Nam. Qua đó giúp các nhà hoạch định chính sách, những nhà làm luật hoặc những nhà nghiên cứu luật học có cách nhìn sâu sắc, toàn diện hơn về sự hình thành các loại hình công ty nói chung và về loại hình CTHVCP nói riêng.

- *Về mặt thực tiễn*, luận án có thể dùng tài liệu tham khảo cho các nhà làm luật, nhà hoạch định chính sách để cân nhắc, nghiên cứu việc xây dựng, bổ sung chế định về CTHVCP vào LDN hiện hành ở Việt Nam trong thời gian tới. Luận án cũng là tài liệu tham khảo hữu ích đối với hoạt động giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo luật ở Việt Nam.

7. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành 4 chương, bao gồm:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và những vấn đề liên quan đến luận án.

Chương 2. Những vấn đề lý luận về công ty hợp vốn cổ phần

Chương 3. Nhu cầu và những vấn đề đặt ra trong việc điều chỉnh pháp luật đối với công ty hợp vốn cổ phần ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Chương 4. Định hướng và đề xuất nội dung chế định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần ở Việt Nam.

Chương 1.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. Những tiền đề của việc đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài “*Xây dựng chế định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần ở Việt Nam*”, được tác giả tiếp cận từ các tiền đề sau: ***Tiền đề thứ nhất:*** Quyền tự do kinh doanh ngày càng được mở rộng và là xu hướng tất yếu trong các hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia. ***Tiền đề thứ hai:*** Công ty hợp vốn cổ phần là loại hình doanh nghiệp có nhiều ưu điểm, được quy định trong pháp luật nhiều nước, nhưng không được ghi nhận trong pháp luật Việt Nam hiện hành.

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trên cơ sở các tiền đề nghiên cứu, tác giả tìm hiểu, phân tích các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước theo các nhóm chủ đề sau đây:

1.2.1. Các công trình nghiên cứu về cơ sở lý luận của quyền tự do kinh doanh và tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp

Nền tảng của sự hình thành và phát triển của các loại hình doanh nghiệp là việc thực hiện các quyền tự do kinh doanh, tự do ý chí. Cho đến nay, có rất nhiều các nghiên cứu về cơ sở lý luận, nội dung quyền tự do kinh doanh. Có thể xem xét các công trình nghiên cứu theo các vấn đề như:

❖ *Các nghiên cứu về khái niệm, nội dung, ý nghĩa và sự giới hạn quyền tự do kinh doanh:*

Có thể kể đến các công trình nghiên cứu như: Luận án tiến sĩ của tác giả Bùi Ngọc Cường về “*Xây dựng và hoàn thiện pháp luật kinh tế nhằm bảo đảm quyền tự do kinh doanh ở nước ta*” tại Đại học Luật Hà Nội năm 2001, và Sách chuyên khảo năm 2004, với tiêu đề là “*Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật Việt Nam hiện hành*”, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia; Ngô Huy Cương (2009), *Tự do ý chí trong pháp luật Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu đặc biệt cấp Đại học quốc gia Hà Nội; Bùi Xuân Hải (2001), “*Mấy vấn đề về doanh nghiệp và pháp luật điều chỉnh các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam*”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (3); Mai Hồng Quỳ (2012, chủ biên), “*Tự do kinh doanh và vấn đề bảo đảm quyền con người tại Việt Nam*”, Nhà xuất bản Lao động.

❖ *Các nghiên cứu về quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp trong phạm vi của quyền tự do kinh doanh:*

Các nghiên cứu về vấn đề này có thể kể đến như: Nguyễn Văn Giàu, Nguyễn

Văn Phúc, Nguyễn Đình Cung (CIEM) (2016), *Thế chế pháp luật kinh tế một số quốc gia trên thế giới*, Trung tâm Thông tin - Tư liệu (CIEM); Nguyễn Như Phát (2016), “*Quyền tự do thành lập doanh nghiệp theo Hiến pháp*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 10 (342), từ trang 28 đến trang 32; Phan Thị Thanh Thủy (2015), “*Hình thức pháp lý doanh nghiệp xã hội: Kinh nghiệm nước Anh và một số gợi mở cho Việt Nam*”, *Tạp chí khoa học ĐHQGHN: Luật học, tập 31, số 4*, từ trang 56 đến trang 64; Bùi Xuân Hải (2016) (chủ biên), *Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh*, Nhà xuất bản Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam; Bùi Ngọc Cường (2002), “*Vai trò của pháp luật kinh tế trong việc bảo đảm quyền tự do kinh doanh*”, *Tạp chí khoa học pháp lý số 7*; Nguyễn Thị Thu Vân (2008), *Một số vấn đề về công ty và hoàn thiện pháp luật về công ty ở Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu về cơ sở lý luận công ty và các loại hình công ty

Các loại hình công ty đã xuất hiện từ thời trung cổ ở châu Âu và các đạo luật thành văn về công ty đã ra đời ở nhiều nước châu Âu từ thế kỷ 17 – 18. Ở Việt Nam, các loại hình công ty và pháp luật công ty chưa xuất hiện trước khi Việt Nam trở thành thuộc địa của người Pháp vào cuối thế kỷ 19. Nghiên cứu về bản chất pháp lý của công ty và các loại hình công ty có rất nhiều các công trình trong và ngoài nước, cụ thể:

E.P.M Vermeulen (2003), *The Evolution of Legal Business Form in Europe and the United State: Venture Capital, Joint Venture and Partnership Structures*, Nhà xuất bản Kluwer Law International; Andreas Cahn và David C.Donald (2010), *Comparative Company Law: Text and Cases on the Laws Governing Corporations in Germany, the UK and the USA*, Nhà xuất bản Cambridge University; John Armour, Henry Hansmann, Reinier Kraakman và các đồng sự (2009), *The Anatomy of Corporate Law: A Comparative and Functional Approach*, Nhà xuất bản Oxford University; Robert Hamilton và Richard D.Freer (2011), *The Law of Corporations in a Nutshell, 6th Edition*, Nhà xuất bản West Publishing; Ngô Huy Cương (2004), *Hợp đồng thành lập công ty ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học; Ngô Huy Cương (2003), “*Cơ sở triết học của hợp đồng thành lập công ty*”, *Tạp chí khoa học ĐHQGHN: Kinh tế - Luật, Tập XIX, (4)*; Ngô Huy Cương (2004), “*Một số nội dung của hợp đồng thành lập công ty*”, *Tạp chí khoa học ĐHQGHN, Kinh tế - Luật, Tập XX, (1)*; Ngô Huy Cương, Phạm Vũ Thành Long (2001), “*Công ty: Bản chất pháp lý, các loại hình và việc xây dựng hệ thống các văn bản pháp luật liên quan*”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, (3)*; Nguyễn Mạnh Bách (2006), *Các công ty thương mại*, Nhà xuất bản Tổng hợp Đồng Nai; Phạm Duy Nghĩa (2004), *Chuyên khảo Luật kinh tế*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội;

1.2.3. Các công trình nghiên cứu về cơ sở lý luận của công ty hợp vốn cổ phần

CTHVCP hình thành và được quy định trong pháp luật một số nước trên thế giới từ cuối thế kỷ 19 và cho đến nay, có rất nhiều nước quy định loại hình công ty này trong hệ thống pháp luật của quốc gia mình. Vì vậy, các công trình nghiên cứu cũng đa dạng và phong phú. Các công trình nghiên cứu về khái niệm và đặc điểm pháp lý của CTHVCP được khảo lược như sau:

Frank Wooldridge (2010), *The German Kommanditgesellschaft auf Aktien (limited partnership with shares)*, Tạp chí Amicus Curiae Issue,(83); Francis Lemeunier (1993), *Nguyên lý và thực hành luật thương mại, luật kinh doanh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia,

Hà Nội; Dieter Beinert, Frank Burmeister, Herman-Josef Tries (2009); *Mergers and Acquisitions in Germany*, Nhà xuất bản C.H. Beck München; Wojciech Stiller (2014), *How to tax Partnerships Limited by Shares*, Tạp chí Kinh tế và Quản lý tại Đại học Kinh tế Katowice, (18); Martin Schulz và Oliver Wasmeier (2012), *The Law of Business Organizations: A Concise Overview of German Corporate Law*, Nhà xuất bản Springer Martin Schulz và Oliver Wasmeier (2012), *The Law of Business Organizations: A Concise Overview of German Corporate Law*, Nhà xuất bản Springer; Lê Tài Triền, Nguyễn Vạng Thọ, Nguyễn Tân (1972), *Luật Thương mại Việt Nam diễn giải*, Quyển II, Sài Gòn; Ngô Huy Cương (2003), “Công ty: Từ bản chất pháp lý tới các loại hình”, *Tạp chí Khoa học Kinh tế- Luật, Tập XIX, (1)*; Lê Minh Phiếu (2006), “Các loại hình doanh nghiệp phổ biến ở Pháp”, *Tạp chí khoa học pháp lý số 4 (35)*; Trần Quỳnh Anh (2012), “Tìm hiểu pháp luật công ty của Cộng hòa Liên bang Đức”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu số 1 (136)*, từ trang 29 đến trang 37.

1.2.4. Các công trình nghiên cứu thực trạng quy định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần

Ở hầu hết pháp luật các nước có điều chỉnh về chế định CTHVCP, thì đều có những quy định mang tính tương đồng nhau về khái niệm, tư cách các loại thành viên và quyền, nghĩa vụ của họ trong công ty.

Các nghiên cứu như: Andreas Cahn và David C.Donald (2010), *Comparative Company Law: Text and Cases on the Laws Governing Corporations in Germany, the UK and the USA*, Nhà xuất bản Cambridge University; Grigor Grigorov (2011), *Corporations and Partnerships in Bulgaria*, Nhà xuất bản Wolters Kluwer: Law and Business; Michael Oltmanns (1998) (chủ biên), *European Company Structures: A Guide to Establishing a Business Entity in a European Country*, Nhà xuất bản Kluwer Law International; Maurice Cozian và Alain Viandier (1988), *Tổ chức công ty, Tập 1* do Nguyễn Văn Bình và Lê Thị Tý (1989) dịch từ cuốn “Droit des Societes” (Litec. 1988) và được hiệu đính bởi Nguyễn Văn Thảo, Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý- Bộ Tư pháp.

1.2.5. Các công trình nghiên cứu về sự cần thiết của việc xây dựng chế định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần

Các nghiên cứu về sự cần thiết xây dựng và bổ sung loại hình CTHVCP có thể kể đến như: Max Weber (2003), *The History of Commercial Partnership in the Middle Ages*, Nhà xuất bản Rowman & Littlefield publishers; Friedrich Kübler, Jürgen Simon (1992), *Một số vấn đề pháp luật kinh tế Cộng hòa Liên bang Đức*, Nhà xuất bản pháp lý; Ngô Huy Cương (2006) *Góp phần bản về cải cách pháp luật ở Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản tư pháp; Ngô Huy Cương (2013), *Giáo trình Luật Thương mại: phần chung và thương nhân*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội; Khoa Luật – ĐHQGHN (2001), *Giáo trình luật kinh tế Việt Nam* (tái bản lần thứ 3), Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội; Đoàn Văn Trường (1996), *Thành lập, tổ chức và điều hành hoạt động CTCP*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

1.3. Nhận xét, đánh giá chung về kết quả nghiên cứu đã công bố có liên quan đến đề tài

1.3.1. Đánh giá tổng quát kết quả nghiên cứu về đề tài

Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước thấy rằng, số lượng các công trình nghiên cứu gắn với các vấn đề liên quan đến chủ đề luận án rất lớn, đa

dạng, được tiếp cận từ nhiều khía cạnh với các mức độ liên quan khác nhau. Các kết quả nghiên cứu đã cung cấp một lượng kiến thức lớn về lý luận của quyền tự do kinh doanh, các vấn đề về công ty và các loại hình công ty. Các nghiên cứu cũng đưa ra các vấn đề liên quan khái niệm, đặc điểm loại hình CTHVCP ở một số nước trên thế giới, những vấn đề đặt ra cho việc hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, ở trong nước, các nghiên cứu về loại hình CTHVCP tương đối hạn chế, chủ yếu là khảo lược quy định pháp luật nước ngoài hoặc trong lịch sử pháp luật Việt Nam. Đến nay, chưa có một công trình nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống và đầy đủ về cơ sở lý luận và thực tiễn về CTHVCP. Đặc biệt, chưa nghiên cứu theo hướng xây dựng các nội dung cơ bản của chế định về CTHVCP để bổ sung vào trong LDN hiện hành. Vì vậy, xét về cả mặt lý luận và thực tiễn, có nhiều khoảng trống chưa được nghiên cứu, vẫn còn bỏ ngỏ về loại hình CTHVCP.

1.3.2. Những kết quả nghiên cứu về đề tài mà luận án sẽ kế thừa, tiếp tục phát triển

Các công trình đã chỉ ra các vấn đề tồn tại, hạn chế trong hệ thống pháp luật của các nước và ở Việt Nam về các vấn đề như: đảm bảo quyền tự do kinh doanh, các loại hình doanh nghiệp. Cụ thể:

Thứ nhất, các nghiên cứu đã chỉ ra việc hình thành các loại hình công ty trên cơ sở sự liên kết nhau lại bằng hình thức góp vốn và sự tin cậy lẫn nhau, đồng thời cùng gánh vác rủi ro có thể xảy ra, vì thế tạo ra các loại hình tổ chức kinh doanh khác nhau phù hợp với nhu cầu và mong muốn của họ. Luật Công ty có vai trò ghi nhận, bảo đảm cho các loại hình công ty được phát triển, đa dạng. Bảo đảm cho quyền được sáng tạo ra các loại hình tổ chức kinh doanh mới đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Thứ hai, các nghiên cứu chỉ ra xu hướng hoàn thiện của pháp luật công ty trong nền kinh tế thị trường, là ngày càng ghi nhận và mở rộng quyền tự do kinh doanh và tự do lựa chọn các loại hình doanh nghiệp của nhà đầu tư. Vì vậy, nhu cầu đặt ra cho các nhà làm luật phải nghiên cứu, xây dựng đa dạng các loại hình doanh nghiệp nhằm đáp ứng, phù hợp với thực tiễn đời sống.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu đã chỉ ra được khái niệm và các đặc điểm pháp lý cơ bản về loại hình CTHVCP đã được pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới và trong lịch sử pháp luật Việt Nam quy định. Và ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu, xây dựng và đề xuất bổ sung chế định về loại hình CTHVCP vào pháp luật Việt Nam sẽ làm phong phú thêm các hình thức các công ty và mở rộng thêm cho sự lựa chọn của các nhà đầu tư.

1.3.3. Những vấn đề liên quan đến đề tài chưa được giải quyết hoặc chưa thấu đáo mà luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu

Tuy đã có rất nhiều các công trình trong nước và nước ngoài nghiên cứu về các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến công ty và pháp luật công ty nói chung và về CTHVCP nói riêng, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề pháp lý chưa được đề cập, nghiên cứu và là các khoảng trống sẽ được phát triển trong luận án này. Cụ thể:

Thứ nhất, các nghiên cứu chưa xem xét thấu đáo bản chất, nội dung của quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp của công dân. Quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp là một quyền cơ bản của quyền tự do kinh doanh chưa được các học giả nghiên cứu thấu đáo, có hệ thống, mà chủ yếu tập trung các quyền khác trong nội dung quyền tự do kinh doanh.

Hầu hết các nghiên cứu đều khai thác khía cạnh quyền tự do kinh doanh là quyền của doanh nghiệp, mà chưa xem xét trước hết là quyền của cá nhân, của nhà đầu tư trong đó có quyền sáng tạo ra các loại hình doanh nghiệp. Chính vì vậy, chưa tạo cơ sở pháp lý cho việc ra đời của các loại hình doanh nghiệp mới và hoàn thiện pháp luật theo hướng bổ sung đa dạng loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam.

Thứ hai, các nghiên cứu chưa xem xét thấu đáo về sự can thiệp của nhà nước đối với các loại hình công ty trên cơ sở ngành luật tư. Khi xem xét pháp luật doanh nghiệp ở khía cạnh là một ngành luật tư, thì Nhà nước phải tôn trọng, ghi nhận quyền tự do ý chí của các chủ thể, bằng việc pháp luật ghi nhận, tạo ra cơ sở pháp lý cho sự sáng tạo ra các loại hình tổ chức kinh doanh mới có tính ưu việt hơn, phù hợp hơn với nhu cầu của các nhà đầu tư và làm đa dạng các loại hình doanh nghiệp.

+ Về thực tiễn:

Một là, các công trình nghiên cứu chưa nghiên cứu toàn diện, đầy đủ về các vấn đề pháp lý của loại hình CTHVCP. Các công trình nghiên cứu hầu hết mới chỉ dừng lại ở việc khảo lược ngắn gọn, lược giải về CTHVCP dựa trên quy định pháp luật của các nước trên thế giới và trong lịch sử pháp luật Việt Nam. Nếu như với các loại hình công ty như: CTCP, CTTNHH, CTHD đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu toàn diện, sâu sắc thì đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện, có hệ thống về loại hình CTHVCP.

Hai là, chưa có công trình nghiên cứu nào thực hiện việc xây dựng mô hình và các nội dung cơ bản của chế định pháp luật của CTHVCP. Các công trình nghiên cứu hầu hết chỉ tập trung đưa ra các vấn đề lý luận, và thực trạng quy định pháp luật về các loại hình doanh nghiệp. Chưa có công trình nào đề xuất xây dựng chế định pháp luật về CTHVCP ở Việt Nam. Từ đó, kiến nghị bổ sung vào Luật doanh nghiệp hiện hành nhằm bổ sung thêm một loại hình công ty mới để đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn và nhu cầu lựa chọn của nhà đầu tư.

Ba là, các công trình nghiên cứu chưa có những đề xuất, kiến nghị mang tính hệ thống, toàn diện để đảm bảo việc xây dựng, thực thi có hiệu quả các quy định đối với chế định pháp luật về CTHVCP khi được bổ sung vào Luật doanh nghiệp hiện hành.

1.4. Khung lý thuyết của luận án

1.4.1. Câu hỏi nghiên cứu

Xét một cách tổng quát, toàn bộ nội dung của luận án sẽ tập trung giải quyết các câu hỏi nghiên cứu lớn như sau: **Câu hỏi nghiên cứu 1:** Những vấn đề lý luận và các học thuyết pháp lý về bản chất của công ty là gì?; **Câu hỏi nghiên cứu 2:** Khái niệm, bản chất pháp lý và các ưu điểm của CTHVCP như thế nào?; **Câu hỏi nghiên cứu 3:** Sự cần thiết và những vấn đề đặt ra của việc bổ sung loại hình CTHVCP vào pháp luật hiện hành ở Việt Nam là gì?; **Câu hỏi nghiên cứu 4:** Xây dựng những nội dung nào của chế định CTHVCP trong pháp luật Việt Nam?.

1.4.2. Giả thuyết nghiên cứu

Thứ nhất, những nền tảng cơ sở lý luận về loại hình CTHVCP chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ và tổng thể, chưa đánh giá về vai trò, ý nghĩa và nội dung của việc xây dựng chế định pháp luật về CTHVCP ở Việt Nam. *Thứ hai,* Pháp luật doanh nghiệp ở Việt Nam chưa thể hiện đúng vai trò của mình, chưa thực sự phù hợp với bản chất hình thành các loại hình doanh nghiệp. Đặc biệt, chưa phù hợp với xu hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật doanh

nghiệp ở Việt Nam hiện nay. *Thứ ba*, chưa có kiến nghị và đề xuất mang tính tổng thể, toàn diện, hợp lý để bổ sung CTHVCP vào trong LDN.

1.4.3. Lý thuyết nghiên cứu

Về lý thuyết nghiên cứu, luận án dựa trên cơ sở các lý thuyết, học thuyết pháp lý sau đây: *Học thuyết về quyền tự do kinh doanh; Học thuyết pháp nhân; Học thuyết công ty là một hợp đồng.*

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Từ việc đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy, các công trình là những tài liệu quan trọng giúp tác giả kế thừa những vấn đề lý luận và thực tiễn cho việc nghiên cứu luận án. Tổng hợp các công trình nghiên cứu có thể đưa ra kết luận sau:

Thứ nhất, các nghiên cứu đã chỉ ra thực trạng của pháp luật Việt Nam hiện nay khi quy định chế định về các loại hình doanh nghiệp chưa bao quát được các loại hình công ty đã ra đời, phát triển trên thế giới và đã có trong lịch sử pháp luật của Việt Nam. Bởi, mỗi một loại hình doanh nghiệp đều mang lại cho chủ sở hữu những ưu điểm và hạn chế nhất định. Trong các loại hình doanh nghiệp chưa được pháp luật Việt Nam ghi nhận, có thể kể đến là loại hình CTHVCP.

Thứ hai, đến nay, chưa nhiều các công trình nghiên cứu về loại hình CTHVCP, hầu hết mới chỉ dừng lại ở mức độ nghiên cứu một cách sơ lược về khái niệm, đặc điểm pháp lý cơ bản của loại hình công ty này trong pháp luật các nước trên thế giới và trong lịch sử pháp luật Việt Nam.

Thứ ba, để đảm bảo quyền tự do kinh doanh của công dân, phát triển các loại hình tổ chức kinh doanh, cần thiết phải nghiên cứu toàn diện các vấn đề pháp lý về CTHVCP. Từ đó, làm cơ sở kiến nghị cho các nhà làm luật ở Việt Nam thấy được ý nghĩa và sự cần thiết phải bổ sung loại hình CTHVCP vào LDN hiện nay.

Vì những lý do trên, thì việc nghiên cứu có hệ thống, toàn diện về các vấn đề lý luận về loại hình CTHVCP và xây dựng nội dung chế định pháp luật về loại hình CTHVCP trong luật doanh nghiệp là vừa có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn, không trùng lặp với các công trình khoa học đã công bố.

Chương 2.

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TY HỢP VỐN CỔ PHẦN

2.1. Những vấn đề lý luận về công ty và loại hình công ty

2.1.1. Quyền tự do kinh doanh và quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp

2.1.1.1. Khái quát về quyền tự do kinh doanh

Quyền tự do kinh doanh là biểu hiện của quyền công dân trong hoạt động kinh doanh và việc bảo đảm, mở rộng quyền tự do kinh doanh là đòi hỏi tất yếu của nền kinh tế thị trường. Trong mỗi nhà nước, mức độ và biểu hiện của việc ghi nhận và bảo đảm quyền tự do kinh doanh có sự khác nhau được thể hiện thông qua các quy định pháp luật.

Nội dung quyền tự do kinh doanh được hiểu là hệ thống các quyền gắn với các chủ thể kinh doanh, mà chủ yếu và trước hết thể hiện thông qua: “i) Quyền được đảm bảo sở hữu đối với tài sản; ii) Quyền tự do thành lập doanh nghiệp (trong đó bao hàm quyền tự

do lựa chọn ngành nghề kinh doanh, địa điểm kinh doanh, lựa chọn mô hình doanh nghiệp); iii) Quyền tự do hợp đồng; iv) Quyền tự do cạnh tranh theo pháp luật; v) Quyền tự định đoạt trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp”..

Cơ sở của sự can thiệp của nhà nước đến quyền tự do kinh doanh của công dân được xem xét trên cơ sở các ý nghĩa như: *Thứ nhất*, đảm bảo tính hiệu quả của pháp luật đối với nhu cầu kinh doanh; *Thứ hai*, đảm bảo tính công bằng giữa các chủ thể kinh doanh. Vì thế, bất kỳ nhà nước nào cũng bảo vệ những giá trị cốt lõi trong xã hội, bảo vệ trật tự công cộng và lợi ích chính đáng của các chủ thể trong xã hội.

2.1.1.2. Quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp

Quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp được coi là nội dung cơ bản của quyền tự do kinh doanh, theo đó nhà đầu tư có quyền lựa chọn các loại hình doanh nghiệp phù hợp với nhu cầu, mong muốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh.

Trong thực tiễn đời sống kinh doanh, các nhà đầu tư có thể sáng tạo ra các phương thức tổ chức doanh nghiệp mới, đáp ứng điều kiện, nhu cầu của mình. Vì thế pháp luật với tư cách là ghi nhận thực tiễn đời sống kinh doanh, cần thiết phải thừa nhận, quy định đa dạng loại hình doanh nghiệp thì khả năng lựa chọn của các nhà đầu tư càng dễ dàng, quyền tự do kinh doanh được đảm bảo tốt hơn. Bởi việc lựa chọn hình thức doanh nghiệp trước khi bắt đầu công việc kinh doanh là rất quan trọng, nó có ảnh hưởng không nhỏ tới sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Nếu ngược lại, sẽ là hạn chế quyền của công dân.

Về cơ bản, sự khác biệt giữa các loại hình tổ chức kinh doanh sẽ tạo lên những ưu điểm và hạn chế của từng loại hình doanh nghiệp. Vì thế pháp luật với tư cách là ghi nhận thực tiễn đời sống kinh doanh, cần thiết phải thừa nhận, quy định đa dạng loại hình doanh nghiệp thì khả năng lựa chọn của các nhà đầu tư càng dễ dàng, quyền tự do kinh doanh được đảm bảo tốt hơn.

2.1.2. Khái niệm, bản chất pháp lý của công ty và các loại hình công ty

2.1.2.1. Khái niệm, bản chất pháp lý của công ty

Trong khoa học pháp lý, cũng như trong quy định pháp luật các nước, khái niệm về công ty có nhiều sự khác nhau. Pháp luật của các nước nói chung có một số điểm cơ bản chung thống nhất, đó là công ty là sự liên kết của hai hay nhiều chủ thể trở lên góp vốn thành lập. Tuy vậy, quan điểm trên có phần chưa thỏa đáng, sự tồn tại của công ty TNHH một thành viên cũng có nghĩa là phá vỡ ý nghĩa “liên kết” theo quan niệm truyền thống.

Bản chất sự hình thành công ty có thể bởi ý chí đơn phương của một chủ thể hoặc sự thống nhất ý chí của nhiều người dựa trên cơ sở hợp đồng. Vì vậy, bản chất pháp lý của công ty thường xem xét hai học thuyết pháp lý cơ bản về công ty đó là: học thuyết pháp nhân và học thuyết công ty là một hợp đồng.

2.1.2.2. Các học thuyết về bản chất của công ty

- Học thuyết pháp nhân

Pháp nhân là một khái niệm để chỉ một loại chủ thể quan hệ pháp luật độc lập với các chủ thể khác và chủ sở hữu của pháp nhân, pháp nhân ra đời đáp ứng điều kiện của đời sống xã hội và hoạt động lập pháp. Các học thuyết pháp nhân có thể kể đến: *Học thuyết pháp nhân là một hư cấu pháp lý (học thuyết cổ điển); Học thuyết phủ nhận pháp nhân; Học thuyết thừa nhận tính cách thực sự của pháp nhân.*

- Học thuyết công ty là một hợp đồng

Các nhà luật học có quan điểm rằng khi các sáng lập viên thỏa thuận các vấn đề pháp lý để thành lập công ty là đã xác lập quan hệ hợp đồng, vì vậy, bản chất của công ty được hình thành trên cơ sở hợp đồng giữa các sáng lập viên. Học thuyết này dựa trên cơ sở tự do ý chí, tự do lập hội và tự do kinh doanh của công dân.

2.1.2.3. Sự ra đời của các loại hình công ty

Các loại hình công ty được hình thành dựa trên sự liên kết khác nhau về vốn, về trách nhiệm của các chủ sở hữu công ty. Điều này được minh chứng bởi sự lịch sử ra đời các loại hình công ty ở các nước trên thế giới. Trên cơ sở ba loại hình công ty cơ bản ban đầu là CTHD, CTHVĐG và CTCP, thì các loại hình công ty mới được hình thành, ra đời là sự kết hợp của các yếu tố và đặc điểm nổi bật của ba hình thức công ty này. Những loại hình doanh nghiệp khác nhau tạo ra những ưu điểm và hạn chế nhất định.

Sự hình thành và ra đời các loại hình công ty khác nhau cho thấy, chính từ nhu cầu khách quan của sự phát triển nền kinh tế cần có sự liên kết hùn vốn, đồng thời về mặt chủ quan, các nhà đầu tư muốn chia sẻ những gánh nặng rủi ro trong kinh doanh và tìm kiếm lợi nhuận cao hơn đã dẫn đến sự ra đời của các loại hình công ty khác nhau.

2.1.3. Vai trò, ý nghĩa của công ty trong mối quan hệ giữa tự do kinh doanh và nền kinh tế thị trường

Sự ra đời và phát triển của các loại công ty có nguyên nhân phát sinh từ nhu cầu khách quan của thực tiễn. Chính vì thế, công ty có vai trò quan trọng cho đời sống kinh doanh, và cho sự phát triển của kinh tế - xã hội. Những vai trò và ý nghĩa của sự ra đời công ty có thể nhận thấy: *Thứ nhất*, công ty đáp ứng sự liên kết về vốn của các nhà kinh doanh; *Thứ hai*, công ty tạo lên sức mạnh thị trường cho các nhà kinh doanh; *Thứ ba*, công ty có sự phân chia rủi ro giữa các nhà kinh doanh với nhau; *Thứ tư*, đời sống của công ty thường ổn định và lâu dài hơn các thể nhân

Vì thế, pháp luật về các loại hình doanh nghiệp phải thể hiện được những khía cạnh sau: *Một là*, vai trò ghi nhận của pháp luật; *Hai là*, vai trò quy định địa vị pháp lý của các chủ thể trong nền kinh tế; *Ba là*, vai trò tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng, trật tự và an toàn cho các chủ thể kinh doanh; *Bốn là*, vai trò khuyến khích các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế khác nhau tham gia tích cực các hoạt động kinh doanh nhằm phát triển nền kinh tế thị trường.

2.2. Những vấn đề lý luận về công ty hợp vốn cổ phần

2.2.1. Khái niệm công ty hợp vốn cổ phần

CTHVCP là một sự kết hợp giữa các đặc điểm nổi bật của CTHVĐG và CTCP với nhau. Hiện nay, CTHVCP được pháp luật của rất nhiều các quốc gia quy định để các nhà kinh doanh được quyền lựa chọn.

CTHVCP được hiểu là một loại công ty kết hợp giữa CTHVĐG và CTCP. Vốn điều lệ công ty được chia thành các cổ phần bằng nhau. Công ty có hai loại thành viên là: Thành viên hợp danh (thành viên nhận vốn) có cổ phần trong công ty, nhưng lại có tư cách thương nhân phải chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới với các thành viên hợp danh khác đối với các nghĩa vụ trả nợ của công ty. Thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi giá trị cổ phần mà thành viên đó sở hữu.

Như vậy, có thể khái niệm CTHVCP là loại hình doanh nghiệp, *trong đó: i) bao gồm ít nhất một thành viên hợp danh có tư cách thương nhân, chịu trách nhiệm vô hạn, liên đới về*

các khoản nợ của công ty và ít nhất một thành viên hợp vốn chịu trách nhiệm trong phạm vi giá trị cổ phần của mình sở hữu; ii). Vốn điều lệ được chia ra thành các phần bằng nhau; iii). Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được đăng ký thành lập; iv). Công ty có quyền phát hành chứng khoán để huy động vốn.

2.2.2. Các đặc điểm pháp lý của công ty hợp vốn cổ phần

CTHVCP là loại hình công ty có đặc điểm kết hợp giữa các đặc tính của CTHVĐG và CTCP, có thể nhận thấy các đặc điểm pháp lý như sau:

Đặc điểm thứ nhất, CTHVCP có hai loại thành viên, bao gồm: thành viên hợp danh và thành viên hợp vốn.

Đặc điểm thứ hai, CTHVCP là sự kết hợp ưu điểm của CTHVĐG và CTCP

Đặc điểm thứ ba, CTHVCP có tư cách pháp nhân

Đặc điểm thứ tư, CTHVCP có quyền phát hành cổ phần để huy động vốn

Đặc điểm thứ năm, cơ cấu tổ chức của CTHVCP có sự khác biệt

2.2.3. Những ưu điểm của công ty hợp vốn cổ phần so với các loại hình doanh nghiệp khác

Mỗi loại hình doanh nghiệp đều tạo ra cho các chủ sở hữu những ưu điểm và những hạn chế nhất định, các nhà kinh doanh khi lựa chọn loại hình doanh nghiệp nào đều xem xét, đánh giá để lựa chọn phù hợp với sở thích, hoàn cảnh và hướng phát triển trong tương lai.

2.2.3.1. Ưu điểm của công ty hợp vốn cổ phần so với công ty hợp danh

So với các đặc điểm pháp lý của CTHD, thì CTHVCP có sự tương đồng, bởi đều là những loại hình tổ chức kinh doanh đều có mô hình tổ chức quản trị nội bộ đơn giản, các nhà làm luật thường ít đưa ra các quy định điều chỉnh các vấn đề pháp lý của công ty, mà để các chủ sở hữu thỏa thuận. Nhưng có những điểm khác biệt tạo nên ưu điểm của loại hình CTHVCP, như:

Một là, vốn điều lệ của CTHVCP được chia thành các phần bằng nhau gọi là cổ phần, cổ phần này được tự do chuyển nhượng.

Hai là, một trong những ưu điểm của CTHVCP là việc công ty có quyền phát hành cổ phiếu để huy động vốn.

Ba là, CTHVCP có hai loại thành viên (thành viên hợp danh và thành viên góp vốn) với địa vị pháp lý, quyền và nghĩa vụ có sự khác nhau.

2.2.3.2. Ưu điểm của công ty hợp vốn cổ phần so với công ty hợp vốn đơn giản

Giữa CTHVCP và CTHVĐG có nhiều đặc điểm pháp lý giống nhau, Ở Đức, các quy định về CTHVĐG và CTCP được áp dụng cho CTHVCP.

Tuy nhiên, sự khác biệt rõ ràng nhất đó là: CTHVCP có vốn điều lệ chia ra thành các phần bằng nhau được gọi là cổ phần. Ở một số nước trên thế giới, quy định về thành viên hợp danh và thành viên góp vốn trong CTHVCP được gọi chung là cổ đông. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác một cách dễ dàng giống như trong CTCP.

2.2.3.3. Ưu điểm của công ty hợp vốn cổ phần so với công ty cổ phần

Giữa CTHVCP và CTCP có những đặc điểm pháp lý tương đồng và là ưu điểm của hai loại hình công ty này. Như vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau – cổ phần. Cổ phần được chuyển nhượng tự do và có thể được giao dịch trên thị trường chứng khoán. Vì vậy, về cơ bản quy mô của hai loại hình công ty này có thể rất lớn bao gồm rất nhiều các

cổ đông. Tuy vậy, giữa hai loại hình công ty này có những đặc điểm khác nhau, và CTHVCP có những ưu điểm so với CTCP có thể kể đến như: chế độ chịu trách nhiệm của chủ sở hữu; về cơ cấu tổ chức nội bộ công ty.

2.2.3.4. Ưu điểm của công ty hợp vốn cổ phần so với doanh nghiệp tư nhân

Giữa CTHVCP và doanh nghiệp tư nhân có nhiều sự khác biệt rõ rệt, tạo lên các ưu điểm và hạn chế của mỗi loại hình doanh nghiệp. Có thể kể đến những ưu điểm của CTHVCP so với doanh nghiệp tư nhân ở những khía cạnh sau: về tính liên kết trong doanh nghiệp; về trách nhiệm tài sản của chủ sở hữu doanh nghiệp; về tài sản của doanh nghiệp; về tư cách pháp lý của doanh nghiệp; về tư cách đại diện cho doanh nghiệp; về cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp.

2.2.3.5. Ưu điểm của công ty hợp vốn cổ phần so với công ty trách nhiệm hữu hạn

CTHVCP và CTTNHH (bao gồm hai loại hình: CTTNHH một thành viên và CTTNHH hai thành viên trở lên) có những đặc điểm giống và khác nhau, chính sự khác nhau của CTHVCP sẽ tạo lên nhiều ưu điểm so với CTTNHH. Các ưu điểm đó có thể kể đến như: (i) Về chế độ chịu trách nhiệm tài sản của chủ sở hữu; (ii) Chuyển nhượng vốn góp và thay đổi thành viên mới; (iii) Khả năng huy động vốn của doanh nghiệp.

2.3. Lịch sử ra đời và phát triển của pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần trên thế giới và Việt Nam

2.3.1. Lịch sử ra đời và phát triển của pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần trên thế giới

2.3.1.1. Sự ra đời và phát triển của công ty hợp vốn cổ phần trên thế giới

Sự kết hợp các đặc tính nổi bật của CTHVĐG với CTCP để trở thành CTHVCP. Ở Pháp, CTHVCP là hình thức rất được thịnh hành vào khoảng thời gian từ 1807 đến 1905 ở Pháp và tạo nên “con sốt” vào thời bấy giờ. Điều này đặc biệt là do những quy định không mang tính khắt khe của loại hình công ty này. Ở Đức, CTHVCP xuất hiện vào thế kỷ XIX, trước khi được Bộ luật Thương mại Đức ban hành năm 1861. Và theo quy định hiện hành, CTHVCP được quy định cụ thể từ điều 278 đến điều 290 CTCP Đức 1965. Như vậy, có thể nói rằng CTHVCP được pháp luật các nước quy định từ rất sớm, và cho đến nay, loại hình công được nhà đầu tư lựa chọn.

2.3.2. Quá trình hình thành và phát triển pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần ở Việt Nam

Ở Việt Nam, pháp luật công ty châu Âu đã được người Pháp đem đến Việt Nam từ cuối thế kỷ 19 và nửa đầu thế kỷ 20, vì thế, pháp luật công ty của Việt Nam đã bị ảnh hưởng lớn bởi mô hình luật công ty châu Âu. Các hình thức công ty như trong luật thương mại của Pháp đã xuất hiện trong các Bộ luật thời Pháp thuộc như Dân luật thi hành tại các tòa án Nam Bắc kỳ 1931 và BLDS Trung kỳ, Bộ luật thương mại Trung Kỳ 1942. Đến Bộ luật Thương mại Sài Gòn 1972 có hiệu lực, thì hội hợp tư cổ phần tiếp tục được ghi nhận từ điều 236 đến điều 294.

Sau khi thống nhất đất nước, nền kinh tế Việt Nam bước vào thời kỳ kinh tế kế hoạch chỉ bao gồm hai thành phần kinh tế chủ yếu là quốc doanh và tập thể, do đó các loại hình công ty không phát triển, nhà nước không ban hành Luật Công ty. Đến năm 1990, Quốc hội ban hành Luật Công ty, trong đó chỉ quy định hai loại hình công ty: CTTNHH và CTCP. Đến LDN 1999 quy định các loại hình doanh nghiệp: CTTNHH hai thành viên

và CTTNHH một thành viên (do một tổ chức làm chủ sở hữu), CTCP, CTHD và doanh nghiệp tư nhân. Đến LDN thống nhất năm 2005, quy định thêm loại hình công ty trách nhiệm một thành viên (do cá nhân làm chủ sở hữu). LDN hiện hành 2014 vẫn giữ nguyên các loại hình doanh nghiệp này.

Như vậy, sau khi nước ta thống nhất đất nước, loại hình CTHVCP không được Luật công ty và các LDN 1999, 2005, 2014.

2.3.3. Một số vấn đề gợi ý, tiếp nhận loại hình công ty hợp vốn cổ phần trong pháp luật Việt Nam hiện hành

Thứ nhất, cần thay đổi tinh thần xây dựng LDN ở Việt Nam: Việc tạo lập công ty dựa trên ý chí của những nhà đầu tư khi lựa chọn các loại hình công ty theo quy định trong pháp luật phải phù hợp với thực tế kinh doanh. Vì vậy, pháp luật phải thừa nhận càng đa dạng loại hình công ty thì các nhà đầu tư có thể lựa chọn nhiều loại hình doanh nghiệp để thực hiện kinh doanh.

Thứ hai, cần thiết phải khảo lược chế định về CTHVCP (hội hợp tư) trong lịch sử pháp luật Việt Nam: Trong lịch sử pháp luật Việt Nam, chế định về CTHVCP (hội hợp cổ) đã được quy định như một loại hình phổ biến trong xã hội. Việc nghiên cứu nhằm đưa ra các gợi ý để xây dựng chế định về CTHVCP để bổ sung vào pháp luật Việt Nam.

Thứ ba, cần nghiên cứu và xây dựng nội dung của chế định CTHVCP trong LDN: Pháp luật các nước được khảo lược trên đây quy định về loại hình CTHVCP là sự kết hợp các đặc điểm pháp lý của CTHVĐG và CTCP. Bởi thế các quy định về CTHVCP được áp dụng chung hầu hết các quy định của hai loại hình này.

2.4. Những vấn đề lý luận của chế định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần ở Việt Nam

2.4.1. Khái luận về chế định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần

Chế định pháp luật về CTHVCP là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ phát sinh trực tiếp trong quá trình thành lập, quản lý điều hành, hoạt động và chấm dứt hoạt động của CTHVCP. Chế định pháp luật về CTHVCP có địa vị bình đẳng và cùng với các chế định điều chỉnh các loại hình doanh nghiệp khác tạo lên hệ thống các chế định điều chỉnh các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam.

2.4.2. Xây dựng chế định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần ở Việt Nam

Chế định pháp luật điều chỉnh các loại hình doanh nghiệp được coi như là trung tâm trong hệ thống pháp luật kinh tế. Vì vậy, giống như chế định pháp luật về các loại hình doanh nghiệp khác trong luật doanh nghiệp, thì chế định về CTHVCP cũng bao gồm những quy phạm pháp luật quy định những nội dung về những vấn đề pháp lý chung của các loại hình doanh nghiệp trong LDN hiện hành ở Việt Nam. Bên cạnh đó, chế định về CTHVCP còn bao gồm hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các vấn đề pháp lý mang tính đặc thù của loại hình CTHVCP.

Tuy vậy, việc bổ sung chế định về CTHVCP vào pháp luật Việt Nam như thế nào và có phạm vi áp dụng như thế nào là vấn đề rất quan trọng, cần thiết phải xem xét một cách thấu đáo. Trên cơ sở tạo ra sự bình đẳng về mặt pháp lý cho các loại hình doanh nghiệp, đồng thời tạo cơ sở cho các nhà đầu tư lựa chọn để thành lập.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Các loại hình doanh nghiệp được quy định trong pháp luật ở Việt Nam hiện nay, đã đáp ứng được các nhu cầu thực tiễn đời sống kinh doanh của các nhà đầu tư. Tuy nhiên, nếu pháp luật chỉ giới hạn trong các loại hình doanh nghiệp hiện hành, thì nhà đầu tư vẫn còn bị hạn chế khi lựa chọn các hình thức kinh doanh để khởi nghiệp ý tưởng kinh doanh của mình. Trong khi đó, thực tiễn kinh doanh các hình thức góp vốn và tính chất liên kết của các chủ sở hữu lại hết sức phong phú, đa dạng, đòi hỏi pháp luật doanh nghiệp phải ghi nhận và tiếp nhận nhiều loại hình doanh nghiệp nhằm tạo hành lang pháp lý rộng mở và an toàn cho nhà đầu tư.

Thông qua sự nghiên cứu và phân tích các vấn đề lý luận về công ty và các loại hình công ty, Chương 2 đã giải quyết được các vấn đề như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu những vấn đề lý luận của luận án về quyền tự do kinh doanh và việc đảm bảo và mở rộng quyền tự do lựa chọn các loại hình doanh nghiệp của các nhà đầu tư bằng việc quy định đa dạng các loại hình doanh nghiệp trong pháp luật. Trong chương 2 của luận án, tác giả cũng đưa ra các vấn đề lý luận về công ty như: khái niệm, bản chất pháp lý của công ty trên cơ sở các học thuyết pháp lý, vai trò và ý nghĩa của sự ra đời và phát triển của các loại hình công ty.

Thứ hai, tác giả đã khảo lược và đánh giá về lịch sử hình thành và phát triển của CTHVCP trong pháp luật các nước trên thế giới, cũng như sự ra đời, phát triển và mất đi trong pháp luật Việt Nam. Từ đó thấy được việc không quy định loại hình doanh nghiệp này mà không có một lý do chính đáng là vấn đề bất hợp lý, không phù hợp với xu hướng mở rộng quyền tự do kinh doanh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Thứ ba, CTHVCP là loại hình công ty được kết hợp các ưu điểm của CTHVĐG và CTCP. Pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới quy định loại hình CTHVCP nhằm tạo cơ sở pháp lý cho sự lựa chọn loại hình công ty này của nhà đầu tư.

Thứ tư, chế định pháp luật về CTHVCP cần thiết được xây dựng thống nhất với các chế định pháp luật về các loại hình doanh nghiệp khác ở Việt Nam. Theo đó, chế định CTHVCP cần phải ban hành, bổ sung thành một chế định trong LDN và tạo bình đẳng với các loại hình doanh nghiệp khác. Bên cạnh đó, các nhà làm luật cần phải xem xét đến phạm vi áp dụng loại hình công ty này trong thực tiễn.

Chương 3.

NHU CẦU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG VIỆC ĐIỀU CHỈNH PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI LOẠI HÌNH CÔNG TY HỢP VỐN CỔ PHẦN Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

3.1. Sự cần thiết xây dựng chế định về công ty hợp vốn cổ phần trong pháp luật Việt Nam

Nhằm đưa ra các đề xuất xây dựng chế định về CTHVCP, cần phải tập trung các vấn đề cụ thể liên quan đến sự cần thiết phải xây dựng chế định pháp luật về CTHVCP ở Việt Nam có thể được xem xét các khía cạnh sau:

3.1.1. Xuất phát từ bản chất của công ty

Trên cơ sở bản chất là hợp đồng, thỏa thuận liên kết trên cơ sở tự do ý chí của các thành viên sáng lập ra công ty. Bất kỳ nhà nước nào, xã hội nào cũng phải tôn trọng, ghi nhận những sáng tạo của con người, bởi chỉ có sáng tạo mới có làm hiệu quả tốt, mới đưa ra nhiều sản phẩm vật chất. Trong đó, việc sáng tạo ra các loại hình doanh nghiệp mới để thực hiện các hoạt động kinh doanh phải được khuyến khích phát triển, với mục tiêu phát triển một môi trường bình đẳng, lành mạnh.

Việc thành lập loại hình công ty nào phụ thuộc vào ý chí của các nhà đầu tư và họ chịu sự ràng buộc bởi sự lựa chọn đó. Pháp luật phải dự liệu các loại hình tổ chức kinh doanh có thể phát sinh trong thực tiễn để ghi nhận và tạo cơ sở pháp lý cho nó hoặc pháp luật phải được xây dựng theo hướng mở để tôn trọng và ghi nhận sự sáng tạo ra các loại hình công ty mới của nhà đầu tư để phù hợp hoàn cảnh, mong muốn của họ trong quá trình hoạt động kinh doanh. Một hệ thống pháp luật phải thể hiện khả năng dự liệu, cập nhật và nhạy bén sẽ là động lực thúc đẩy sự phát triển của các thành phần trong nền kinh tế.

3.1.2. Căn cứ bản chất của nền kinh tế thị trường

Pháp luật kinh doanh nói chung và pháp luật về các loại hình doanh nghiệp nói riêng cần phải phản ánh các quy luật và nguyên lý của thị trường, lấy tự do và dân chủ của các chủ thể kinh doanh là mục tiêu của đảm bảo của nhà nước. Bởi, bằng pháp luật, nhà nước ghi nhận những nguyên tắc cơ bản của nền kinh tế thị trường.

Nhà nước có vai trò nòng cốt trong nền kinh tế thị trường, một chủ thể với chức năng điều tiết và tạo thuận lợi có hiệu quả, khắc phục sự thất bại của thị trường, tạo một sân chơi bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp và cá nhân. Chính vì thế, pháp luật của các nước có nền kinh tế thị trường phát triển cũng như Việt Nam đều “thiết kế” hay “công nhận” nhiều mô hình tổ chức kinh doanh để các nhà kinh doanh lựa chọn”.

3.1.3. Căn cứ truyền thống tổ chức kinh doanh của người Việt Nam

Việc bổ sung loại hình CTHVCP trong pháp luật hiện hành là cần thiết, phù hợp với truyền thống kinh doanh của người Việt Nam coi trọng quan hệ gia đình, họ hàng bền chặt. Sự tin tưởng lẫn nhau dựa trên quan hệ thân thích, cùng với trách nhiệm vô hạn của thành viên công ty và cơ cấu tổ chức đơn giản là những vấn đề luôn được những nhà đầu tư Việt Nam coi trọng và lựa chọn.

3.1.4. Căn cứ nhu cầu của các nhà đầu tư

Các hình thức doanh nghiệp khác nhau ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu liên kết của các nhà đầu tư mong muốn thông qua các hoạt động kinh doanh nhằm tìm kiếm lợi nhuận và chia sẻ những rủi ro gặp phải. Khi mà nền kinh tế ngày càng phát triển, những nhà đầu tư luôn luôn đòi hỏi những mối liên kết mới, ưu việt hơn, tránh rủi ro hơn. Sự đa dạng của các loại hình doanh nghiệp, sẽ tạo điều kiện cho các nhà đầu tư được quyền lựa chọn các loại hình doanh nghiệp khác nhau để thành lập, dựa trên sự khác nhau về tính chất liên kết.

3.1.5. Căn cứ đòi hỏi của quá trình hội nhập kinh tế ở Việt Nam

Công ty có vai trò rất quan trọng và phổ biến trong nền kinh tế thị trường, các loại hình công ty ra đời là một nhu cầu tất yếu, khi các nhà đầu tư muốn liên kết lại với nhau để tạo ra sức mạnh, lợi thế trong các hoạt động kinh doanh của mình. Vì thế việc tạo môi trường pháp lý hoàn thiện, đầy đủ nhằm thúc đẩy các loại hình công ty phát triển, đồng thời phát huy được các thế mạnh của mỗi loại hình doanh nghiệp.

Ở các nước phát triển, nhà nước ghi nhận và điều chỉnh các loại hình doanh nghiệp tồn tại dưới nhiều hình thức rất phong phú và đa dạng, tạo cho nhà kinh doanh có nhiều cơ hội lựa chọn cho mình hình thức doanh nghiệp thích hợp, tạo điều kiện họ thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh của mình.

Các loại hình doanh nghiệp được thành lập nhằm đảm bảo phù hợp với nhu cầu đầu tư và kinh doanh đa dạng của cá nhân, tổ chức, tạo điều kiện và khuyến khích nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh.

3.1.6. Trên cơ sở kinh nghiệm pháp luật của nước ngoài

Về nguyên tắc, các yếu tố để kết hợp thành các loại hình công ty khác nhau là giới hạn, các loại hình công ty công ty hình thành trên thế giới và được các quốc gia ghi nhận trong pháp luật của mình cũng là sự giới hạn. Vì vậy, việc tham khảo kinh nghiệm pháp luật về chế định CTHVCP và tiếp nhận pháp luật nước ngoài trong thời kỳ hội nhập hiện nay của Việt Nam là cần thiết, nó vừa mang tính thực tiễn và kinh tế.

Hiện nay, CTHVCP được rất nhiều các quốc gia trên thế giới trong quy định pháp luật công ty. Đặc biệt là các quốc gia ở châu Âu nằm trong khối EU, trong đó có những nước phát triển hàng đầu thế giới như: Đức, Pháp, Italia, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Luxembourg..... đây cũng là yêu cầu, và sự tương thích pháp luật của các quốc gia trong khối, bởi loại hình CTHVCP sẽ tạo cơ hội kinh doanh và đầu tư và thúc đẩy các doanh nhân và các nhà đầu tư đến từ các nước thành viên EU khác nhau.

Và ở một khía cạnh khác, việc nghiên cứu kinh nghiệm pháp luật nước ngoài nhằm đưa ra cơ sở thuyết minh cho sự cần thiết xây dựng chế định pháp luật về CTHVCP ở Việt Nam.

3.2. Xây dựng mô hình lý luận về chế định công ty hợp vốn cổ phần trong pháp luật Việt Nam

3.2.1. Bối cảnh xây dựng chế định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần ở Việt Nam

3.2.1.1. Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện

Trong quá trình hội nhập sâu rộng hiện nay, việc xây dựng cũng như hoàn thiện pháp luật doanh nghiệp đòi hỏi các nhà lập pháp ở Việt Nam phải nắm bắt được nhu cầu thực tiễn của đời sống kinh doanh, đồng thời phải đảm bảo sự phù hợp, tương thích của pháp luật quốc gia với hệ thống pháp luật của các nước trên thế giới, đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế.

Quá trình hoàn thiện, cải cách hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về các loại hình doanh nghiệp nói riêng là tất yếu khách quan. Nhà nước cần thiết phải chủ động hoàn thiện, sửa đổi LDN theo hướng bổ sung thêm các loại hình công ty đã được pháp luật các quốc gia trên thế giới quy định nhằm thu hút nguồn lực của nước ngoài đầu tư vào Việt Nam.

3.2.1.2. Pháp luật hiện hành thiếu vắng quy định về CTHVCP

Mặc dù CTHVCP đã được hình thành và ghi nhận trong pháp luật của nhiều nước trên thế giới. Tuy vậy, hiện nay loại hình CTHVCP không được các nhà làm luật quy định trong pháp luật.

LDN 2005 thống nhất và LDN 2014 (có hiệu lực từ 01/7/2015) đã góp phần to lớn trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho toàn dân tham gia hoạt động kinh doanh bằng việc lựa chọn các loại hình doanh nghiệp đa dạng. Mỗi loại hình doanh nghiệp đều mang lại các ưu nhược điểm cho các chủ sở hữu trong quá trình hoạt động kinh doanh. Vì thế, việc

lựa chọn loại hình doanh nghiệp nào đó, yêu cầu các nhà đầu tư cần thiết tìm hiểu rõ nhu cầu, mục tiêu để lựa chọn loại hình thích hợp.

3.2.1.3. Các loại hình doanh nghiệp trong LDN hiện hành chưa đáp ứng đầy đủ các nhu cầu liên kết đa dạng của các nhà đầu tư

Bên cạnh các loại hình tổ chức kinh doanh được coi là kinh điển, phổ biến được quy định trong LDN, thì trong thực tế còn có thể phát sinh nhiều loại hình khác là sự giao thoa giữa các loại hình doanh nghiệp đã có để tạo ra ưu thế, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của các nhà đầu tư.

Các loại hình công ty hiện hành trong LDN đã được ghi nhận từ lâu, không còn tính mới. Nhu cầu bổ sung các loại hình doanh nghiệp mới nói chung và CTHVCP nói riêng vào trong pháp luật Việt Nam là hết sức cần thiết và mang ý nghĩa lớn, bởi pháp luật phải theo kịp thời đời sống xã hội và phải mang tính dự báo, linh hoạt và định hướng cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam trong tương lai.

3.2.2. Các nguyên tắc xây dựng chế định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần

3.2.2.1. Nguyên tắc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước

3.2.2.2. Nguyên tắc hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của pháp luật

3.2.2.3. Nguyên tắc phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế hiện nay

3.2.2.4. Nguyên tắc bảo đảm tính kế thừa và tiếp nhận các kinh nghiệm pháp luật của các nước

3.2.2.5. Nguyên tắc đảm bảo sự quản lý nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp

3.2.3. Các phương án xây dựng chế định công ty hợp vốn cổ phần trong pháp luật Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích và khảo lược các kinh nghiệm pháp luật của các nước quy định về loại hình CTHVCP, cho thấy, việc bổ sung loại hình công ty này trong pháp luật Việt Nam có thể được xem xét trên các mô hình lý luận như sau: **Phương án 1:** Xây dựng một luật riêng quy định về CTHVCP; **Phương án 2:** Xây dựng Luật CTHD: bao gồm các loại hình: CTHD, CTHVĐG và CTHVCP; **Phương án 3:** Bổ sung chế định CTHVCP vào quy định của LDN hiện hành.

Trong 3 phương án trên, phương án bổ sung chế định CTHVCP vào trong quy định của LDN hiện hành có nhiều ưu việt và đảm bảo tính thống nhất của pháp luật, tạo sự bình đẳng của các loại hình doanh nghiệp. Qua đó, vừa tạo thuận lợi cho quá trình áp dụng các quy định pháp luật và vừa phù hợp với hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật doanh nghiệp.

3.3. Đánh giá tác động của việc bổ sung chế định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần trong Luật Doanh nghiệp 2014

3.3.1. Những tác động và kết quả tích cực

Việc xây dựng và bổ sung chế định CTHVCP vào LDN có tác động, kết quả tích cực đến: *Nhà đầu tư; Pháp luật về doanh nghiệp ở Việt Nam; Nền kinh tế - xã hội ở Việt Nam; hoạt động của các cơ quan nhà nước.*

3.3.2. Một số tác động tiêu cực

Bên cạnh đó, chúng ta có thể nhận thấy những tác động tiêu cực, nhưng không phải là những trở ngại lớn với ý nghĩa bảo đảm và mở rộng quyền tự do kinh doanh của công dân. Các trở ngại, tác động tiêu cực chủ yếu ở giai đoạn thực thi các quy định của chế định

pháp luật CTHVCP trong đời sống nhằm đảm bảo tính hiệu quả của pháp luật.

3.4. Những nội dung cơ bản của chế định công ty hợp vốn cổ phần trong pháp luật Việt Nam

3.4.1. Tên gọi và khái niệm

Những vấn đề trong quá trình đặt tên đối với CTHVCP được tuân thủ theo các quy định của LDN. Đồng thời, việc xây dựng khái niệm về CTHVCP là rất cần thiết để thấy được bản chất và đặc điểm pháp lý căn bản của loại hình công ty này để phân biệt so với các loại hình công ty khác ở Việt Nam.

3.4.2. Trình tự, thủ tục đăng ký thành lập

Cần thiết bổ sung các quy định về hồ sơ đăng ký của CTHVCP.

3.4.3. Vốn điều lệ, cổ phần của cổ đông

Về cơ bản, vấn đề vốn điều lệ và cổ phần trong CTHVCP tương đồng các quy định trong CTCP trong LDN hiện hành. Các quy định về cổ phần của cổ đông nhận vốn mang tính đặc thù trong CTHVCP khác biệt so với CTCP, bởi đặc điểm về chế độ trách nhiệm cá nhân và liên đới của cổ đông nhận vốn. Việc xây dựng các quy định về cổ phần và chuyển nhượng cổ phần của cổ đông nhận vốn rất quan trọng.

3.4.4. Quyền và nghĩa vụ, mối quan hệ giữa các cổ đông

Khi xem xét, xây dựng quyền và nghĩa vụ của cổ đông nhận vốn và cổ đông góp vốn có sự tương đồng với quy định về quyền và nghĩa vụ của CTHD được quy định trong LDN hiện hành.

3.4.5. Chấm dứt tư cách và tiếp nhận cổ đông nhận vốn mới

Tư cách cổ đông nhận vốn chấm dứt trong các trường hợp sau đây: *Cổ đông nhận vốn chết, bị Tòa án tuyên bố là mất tích, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự.* Công ty có thể tiếp nhận thêm cổ đông nhận vốn, việc tiếp nhận cổ đông nhận vốn mới của công ty phải được đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3.4.6. Những hạn chế đối với cổ đông nhận vốn

Việc đặt ra những hạn chế đối với cổ đông nhận vốn là rất cần thiết liên quan đến tính chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với nghĩa vụ tài sản của công ty. Các hạn chế đối với cổ đông nhận vốn trong CTHVCP có sự tương đồng với sự hạn chế của thành viên hợp danh trong CTHD được quy định tại Điều 175 của LDN 2014.

3.4.7. Cơ cấu tổ chức quản trị và điều hành

Cấu trúc nội bộ của CTHVCP có tính đặc thù hơn so với các loại hình công ty khác. Bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

3.4.8. Đại diện và điều hành hoạt động của công ty

Trong CTHVCP, tất cả các cổ đông nhận vốn có quyền đại diện theo pháp luật và tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

3.4.9. Chuyển đổi hình thức công ty hợp vốn cổ phần

Trong quá trình hoạt động, CTHVCP có thể thực hiện việc chuyển đổi hình thức công ty dựa trên cơ sở tự nguyện của các chủ sở hữu hoặc theo quy định pháp luật. CTHVCP có thể chuyển đổi thành CTHD, CTCP.

3.4.10. Giải thể và phá sản công ty hợp vốn cổ phần

CTHVCP tuân thủ quy định về các trường hợp giải thể và điều kiện giải thể, trình tự thủ tục giải thể được quy định trong LDN. Tuy vậy, để áp dụng các quy định trên đối

với loại hình CTHVCP, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 1 điều 201 và khoản 2 điều 202, khoản 2 điều 204 của LDN 2014 theo hướng bổ sung loại hình CTHVCP vào quy định tại các điều khoản trên.

CTHVCP cũng áp dụng các quy định của Luật Phá sản 2014, vì thế, cần thiết sửa đổi, bổ sung Luật Phá sản 2014 điều chỉnh loại hình công ty này.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

CTHVCP là loại hình doanh nghiệp được kết hợp các đặc điểm pháp lý của CTCP và CTHVĐG là các loại hình phổ biến trên thế giới. Vì thế, sự kết các đặc tính của hai loại hình đó vào trong CTHVCP tạo lên nhiều ưu điểm và đã được pháp luật các nước quy định từ rất lâu.

Ở Việt Nam, CTHVCP (tên gọi khác là hội hợp cổ) được quy định trong Bộ dân luật Bắc kỳ 1931, Bộ dân luật Trung phần 1942 và Bộ luật Thương mại Sài gòn năm 1972 như một loại hình phổ biến. Tuy vậy, sau khi giải phóng đất nước và nhất là sau khi đổi mới, pháp luật không ghi nhận loại hình công ty này.

Trong nội dung chương 3 này, tác giả đã đi phân tích và giải quyết những nội dung cơ bản như:

Một là, trong Chương 3, tác giả đã phân tích sự cần thiết, những tác động và dự kiến khi bổ sung chế định CTHVCP trong LDN hiện hành.

Hai là, tác giả đã đánh giá sự tác động của việc bổ sung chế định CTHVCP trong pháp luật Việt Nam.. Tác giả đã nêu và phân tích các nguyên tắc của việc xây dựng chế định CTHVCP phải tuân thủ. Theo đó, mô hình chế định của CTHVCP được xây dựng trên cơ sở bổ sung một chương điều chỉnh về CTHVCP trong LDN hiện hành. Việc xây dựng thành một chương trong LDN sẽ bảo đảm tính thống nhất, kết hợp với chế định của các loại hình doanh nghiệp đang được quy định trong LDN.

Ba là, tác giả đã xây dựng những vấn đề cơ bản của chế định pháp luật về CTHVCP cần thiết phải được xây dựng như: Tên gọi, khái niệm CTHVCP; Trình tự, thủ tục thành lập; Vốn điều lệ, cổ phần; Quyền và nghĩa vụ, mối quan hệ giữa các cổ đông trong công ty; Chấm dứt tư cách cổ đông nhận vốn; Những hạn chế đối với cổ đông nhận vốn; Cơ cấu tối chức quản trị và điều hành công ty; Đại diện và điều hành hoạt động của công ty; Chuyển đổi hình thức công ty; Giải thể và phá sản.

Chương 4.

ĐỊNH HƯỚNG VÀ ĐỀ XUẤT NỘI DUNG CHẾ ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY HỢP VỐN CỔ PHẦN Ở VIỆT NAM

4.1. Những định hướng cho việc xây dựng nội dung của chế định công ty hợp vốn cổ phần trong pháp luật ở Việt Nam

4.1.1. Đảm bảo và mở rộng quyền tự do kinh doanh

Để bảo đảm quyền tự do kinh doanh của công dân, pháp luật phải ghi nhận và mang tính dự báo các loại hình doanh nghiệp có thể hình thành trong thực tiễn để đáp ứng kịp thời với điều kiện kinh tế xã hội, đồng thời tạo ra hướng mở cho những sự lựa chọn trong kinh doanh của nhà đầu tư.

4.1.2. Tạo ra cơ sở pháp lý cho sự ra đời CTHVCP

Việc xây dựng chế định về CTHVCP trong pháp luật Việt Nam hiện nay là tạo ra một loại hình doanh nghiệp mới, hấp dẫn để các nhà đầu tư có thể lựa chọn thực hiện dự định kinh doanh của mình. Tạo cơ sở pháp lý cho lựa chọn loại hình công ty này để thành lập và phát triển trong môi trường pháp lý bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh.

4.1.3. Hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu hội nhập của nền kinh tế đất nước

Loại hình CTHVCP ra đời là một tất yếu khách quan của thực tiễn kinh doanh, cho phép hợp tác giữa nhà kinh doanh (cổ đông nhận vốn) với vai trò bên nhận vốn và nhà đầu tư (cổ đông góp vốn) với vai trò bên góp vốn. Với mỗi loại hình công ty khác nhau sẽ đem lại cho chủ sở hữu những lợi thế, thuận lợi nhất định trong hoạt động kinh doanh. Vì vậy, pháp luật cần thiết phải ghi nhận, tạo cơ sở cho sự đa dạng các loại hình công ty ra đời và phát triển sẽ là một trong những điều kiện góp phần thúc đẩy sự phát triển môi trường kinh doanh lành mạnh, bền vững.

4.1.4. Định hướng hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp theo hướng nghiên cứu, tiếp nhận những kinh nghiệm xây dựng pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần

Việc nghiên cứu kinh nghiệm, hoàn cảnh ra đời và lý do ghi nhận CTHVCP trong quy định pháp luật của các quốc gia là điều hết sức cần thiết. Có ý nghĩa để làm cơ sở, tiền đề cho những đề xuất, cho hoạt động xây dựng dự thảo, kiến nghị các chính sách liên quan pháp luật về các loại hình doanh nghiệp nói chung và các quy định về loại hình CTHVCP nói riêng.

4.1.5. Đảm bảo tính khả thi, hiệu quả của pháp luật về các loại hình doanh nghiệp

Để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của các quy định pháp luật về các loại hình doanh nghiệp nói chung và loại hình CTHVCP nói riêng phải đảm bảo kết hợp đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm đưa các quy định pháp luật phát huy hiệu quả trong đời sống.

4.2. Giải pháp xây dựng nội dung chế định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần

Dựa trên những nội dung cơ bản của chế định về CTHVCP được tác giả xây dựng ở Chương 3 của Luận án và thông qua việc lược khảo kinh nghiệm pháp luật về loại hình CTHVCP của một số nước trên thế giới. Tác giả đề xuất những nội dung cần thiết của chế định CTHVCP trong LDN 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

4.2.1. Bổ sung các nội dung chế định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần bổ sung vào LDN hiện hành

Nội dung cụ thể của chế định CTHVCP cần thiết phải được bổ sung một chương mới trong LDN 2014. Chương quy định về CTHVCP nên được sắp xếp sau chương quy định CTHD của LDN hiện hành. Bao gồm những điều khoản cơ bản sau: “Điều.....: Công ty hợp vốn cổ phần; “Điều.....Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty hợp vốn cổ phần; “Điều.....Vốn điều lệ công ty hợp vốn cổ phần”; “ĐiềuQuyền và nghĩa vụ của cổ đông nhận vốn; “Điều.....: chuyển nhượng cổ phần; “Điều....: Tiếp nhận cổ đông nhận vốn mới; “Điều Quyền và nghĩa vụ của cổ đông góp vốn; “Điều ... Đại hội đồng cổ đông; “Điều ... Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; “Điều.....Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông; “Điều... Thẻ thực tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; “Điều.....Điều kiện để nghị quyết được thông qua; “Điều Điều hành

kinh doanh của công ty hợp vốn cổ phần; “Điều....Ban kiểm soát; “Điều....Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên; “Điều Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

4.2.2. Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến công ty hợp vốn cổ phần trong Luật Doanh nghiệp 2014

4.2.2.1. Sửa đổi phạm vi điều chỉnh của LDN 2014

4.2.2.2. Sửa khái niệm “cổ đông”

4.2.2.3. Sửa quy định về “người quản lý doanh nghiệp”

4.2.2.4. Sửa quy định về khái niệm “vốn điều lệ”

4.2.2.5. Bổ sung quy định về chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đối với CTHVCP

4.2.2.6. Bổ sung quy định về các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp

4.2.3. Sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn Luật Doanh nghiệp

4.2.3.1. Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 96/2015/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của LDN 2014.

4.2.3.2. Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đăng ký doanh nghiệp

Bên cạnh đó, cùng với việc xây dựng các nội dung của chế định CTHVCP để bổ sung vào LDN hiện hành, cần thiết phải rà soát, hệ thống lại các quy định của pháp luật chuyên ngành để sửa đổi bổ sung các quy định liên quan đến CTHVCP. Các quy định pháp luật quy định về CTHVCP phải thống nhất, toàn diện đảm bảo cho sự hiệu quả trong quá trình thi hành pháp luật. Các luật cần thiết phải được sửa đổi, bổ sung một cách đồng bộ như: Luật phá sản, Luật chứng khoán, Luật kế toán...

4.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi chế định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần

Hoạt động xây dựng và bổ sung loại hình CTHVCP vào trong LDN hiện hành là một quá trình và được thực hiện trong nhiều giai đoạn, nhiều bước khác nhau và sự tham gia của nhiều bên có liên quan. Việc ban hành các quy phạm pháp luật điều chỉnh CTHVCP phải đảm bảo tính thống nhất, toàn diện nhằm bao quát đầy đủ các vấn đề pháp lý cần thiết của loại hình công ty này và đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình thực thi các quy định pháp luật.

4.3.1. Tổng hợp những bất cập, tồn tại của quy định pháp luật về các loại hình doanh nghiệp

4.3.1.1. Đánh giá, tổng kết công tác thi hành pháp luật về doanh nghiệp

4.3.1.2. Tổ chức lấy ý kiến, tham vấn của các chuyên gia luật học, của doanh nghiệp và đại diện các nhà đầu tư về việc bổ sung loại hình CTHVCP vào LDN

4.3.2. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức về quyền tự do kinh doanh

Song song với việc tạo ra cơ sở pháp lý cho loại hình CTHVCP trong pháp luật Việt Nam, thì việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan đăng ký kinh doanh để đảm bảo quyền tự do kinh doanh của công dân là rất quan trọng. Hoạt động này có tác động rất lớn đến sự hiệu quả của hoạt động thực thi các quy định pháp luật nhằm đảm bảo quyền tự do kinh doanh của nhà đầu tư.

4.3.3. Tuyên truyền, phổ biến các quy định về CTHVCP trong thực tiễn

Khi xây dựng, bổ sung chế định loại hình CTHVCP trong LDN hiện hành, thì công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật là hết sức quan trọng, làm cơ sở giúp họ lựa chọn loại hình doanh nghiệp thích hợp để thành lập và hoạt động.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Trong nội dung của Chương 4 của Luận án này, tác giả đã phân tích và đưa ra được những vấn đề cơ bản như sau:

Thứ nhất, tác giả đã đưa ra và phân tích các cơ sở định hướng xây dựng các nội dung của chế định CTHVCP trong LDN. Tác giả đã phân tích, so sánh các vấn đề pháp lý của loại hình CTHVCP trong pháp luật các nước và các quy định trong LDN 2014 nhằm đưa ra các định hướng xây dựng các nội dung cụ thể của chế định quy định về loại hình CTHVCP.

Thứ hai, trong chương 4, tác giả đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định trong pháp luật hiện hành về CTHVCP trên cơ sở: Bổ sung các điều khoản cơ bản của chế định CTHVCP trong LDN hiện hành. Đồng thời, đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung khác liên quan trực tiếp đến CTHVCP trong LDN để phù hợp và thống nhất với những nội dung được xây dựng của chế định CTHVCP..

Thứ ba, tác giả đưa ra các kiến nghị đối với cơ quan ban hành pháp luật và cơ quan thực thi pháp luật nhằm đảm bảo chất lượng của dự thảo LDN sửa đổi trong quá trình ban hành các nội dung của chế định CTHVCP. Đồng thời, đảm bảo sự hiệu quả trong hoạt động thực thi pháp luật của chế định CTHVCP trong thực tiễn đời sống kinh doanh ở Việt Nam.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở phân tích và nghiên cứu các cơ sở lý luận và sự cần thiết cần xây dựng chế định CTHVCP trong pháp luật Việt Nam, có thể rút ra những kết luận cơ bản như sau:

Thứ nhất, cơ sở hình thành và phát triển các loại hình công ty dựa trên việc thực hiện các quyền tự do kinh doanh và quyền tự do ý chí của công dân. Trong đó, quyền được lựa chọn loại hình doanh nghiệp để thành lập của nhà đầu tư là nội dung cơ bản của quyền tự do kinh doanh. Các quốc gia đều ghi nhận và mở rộng quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp của nhà đầu tư bằng sự linh hoạt, dự liệu để quy định đa dạng các loại hình doanh nghiệp trong pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho sự lựa chọn của nhà đầu tư.

Thứ hai, CTHVCP là loại hình kết hợp các ưu điểm của CTCP và CTHVĐG. CTHVCP có ưu điểm của CTCP bởi vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau được gọi là cổ phần, và cổ phần dễ dàng chuyển nhượng trên thị trường chứng khoán để huy động vốn. CTHVCP có ưu điểm của CTHVĐG bởi công ty có cổ đông nhận vốn – chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới đối với các nghĩa vụ tài sản của công ty, ngoài ra, còn có cổ đông góp vốn - chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi giá trị của số cổ phần sở hữu tại công ty.

Thứ ba, loại hình CTHVCP đã được ghi nhận trên thế giới từ cuối thế kỷ 19 và được quy định trong pháp luật Việt Nam trong BLDS 1931, BLDS Trung kỳ 1936 và Bộ luật Thương mại Sài Gòn 1972. Và hiện nay, được pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới ghi nhận và quy định là đa dạng quyền lựa chọn loại hình doanh nghiệp của nhà đầu tư.

Thứ tư, khi xem xét và phân tích khía cạnh lý luận và thực tiễn cho thấy, việc bổ sung loại hình CTHVCP trong LDN hiện hành là rất cần thiết. Vừa cụ thể hóa quy định của Hiến pháp 2013 về quyền tự do kinh doanh của công dân, vừa làm đa dạng thêm loại hình liên kết mới cho các nhà đầu tư lựa chọn. Bởi mỗi loại hình doanh nghiệp đều có các ưu, nhược điểm nhất định.

Thứ năm, việc xây dựng, bổ sung chế định CTHVCP phải dựa trên bối cảnh nền kinh tế xã hội và thực tiễn pháp luật của Việt Nam. Từ đó, đặt ra mục tiêu hướng đến khi ban hành các quy định pháp luật về CTHVCP dưới mô hình chế định nhất định. Thông qua phân tích, lập luận ở chương 3, tác giả đưa ra mô hình phù hợp để xây dựng chế định pháp luật về CTHVCP ở Việt Nam là quy định trong LDN hiện hành. Cụ thể, các nội dung cụ thể về CTHVCP được quy định thành một chương trong luật, tạo ra một khung pháp lý chung điều chỉnh các loại hình doanh nghiệp trong LDN.

Thứ sáu, trong quá trình xây dựng các nội dung cụ thể của chế định CTHVCP cần thiết phải dựa trên sự nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm của pháp luật các nước và trong lịch sử pháp luật Việt Nam. Đồng thời, nghiên cứu và phân tích truyền thống thương mại hay thói quen thương mại, tâm lý kinh doanh của người Việt Nam nhằm đảm bảo tính khả thi, toàn diện của các quy định pháp luật trong thực tiễn đời sống.

Thứ bảy, luận án đã xây dựng và đưa các nội dung cụ thể của chế định CTHVCP bổ sung vào LDN hiện hành, thì việc sửa đổi, bổ sung các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến CTHVCP là hết sức quan trọng, nhằm đảm bảo tính thống nhất, toàn diện của hệ thống pháp luật.

Thứ tám, song song với việc xây dựng chế định CTHVCP, thì luận án đã có các kiến nghị cụ thể đối với hoạt động thực thi pháp luật các quy định của chế định CTHVCP trong thực tiễn đời sống. Bởi dù quy định pháp luật có chất lượng đến đâu, nhưng hoạt động thực thi pháp luật không có hiệu quả, người dân không biết, không hiểu về loại hình CTHVCP thì khó đảm bảo tính hiệu quả của văn bản pháp luật và không đáp ứng nhu cầu của thực tiễn kinh doanh đặt ra.

Tóm lại, việc xây dựng chế định pháp luật về CTHVCP ở Việt Nam là một đòi hỏi tất yếu khách quan của nền kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay, đáp ứng yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật về các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Xây dựng một mô hình phù hợp, có tính khả thi về chế định CTHVCP là vấn đề mà các nhà luật học, các nhà làm luật ở Việt Nam cần phải tiếp tục nghiên cứu, đánh giá nhằm đề xuất kiến nghị những nội dung cần thiết của chế định.